

Hiragana Test

Bài 1: Chọn cách viết đúng bằng Hiragana của từ sau :

1. Hitari
1) ひたり 2) ひだり 3) ふたり 4) ふだり
2. Kenkyusha
1) けんしゅうさ 2) けきゅうしゃ 3) けんきゅうしゃ 4) けんきゅうさ
3. Benkyo
1) べんきょう 2) べんきょう 3) へんりょう 4) べんりお
4. Okane
1) おかね 2) おかれ 3) おまね 4) あかれ
5. Ippon
1) いっぱん 2) いんぽん 3) いっぱ 4) いぼん
6. Zenbu
1) ぜんふ 2) ぜんぶ 3) せんふ 4) ぜいぶ
7. Mainichi
1) まいにち 2) まいしち 3) まいしら 4) みいちら
8. Atama
1) あたま 2) あだま 3) おとま 4) おだま
9. Senshuu
1) せんしゅう 2) せんしゅ 3) せんゆう 4) せんずう
10. Kichinto
1) きちんお 2) きちんた 3) きちんと 4) きちた

Bài 2: Viết cách đọc đúng của từ sau :

Ví dụ: わたし : watashi

- | | |
|---------------|--------------|
| 1. ともだち : | 2. かぞく : |
| 3. じゅうはち : | 4. みんな : |
| 5. おとしだま : | 6. かみさま : |
| 7. じんじゃ : | 8. がっこう : |
| 9. はなび : | 10. ほし : |

Bài 3: Nghe và chọn từ đúng :

1.
1) いち 2) いし 3) みち 4) しち
2.
1) せき 2) えき 3) あき 4) えぎ
3.
1) まに 2) なに 3) なし 4) なき
4.
1) にくい 2) にあい 3) におい 4) しあい
5.
1) いず 2) きす 3) いす 4) いつ

Lớp tiếng Nhật Trang sensei

Bài 4: Viết từ đúng với hình ảnh :

1)



2)



3)



4)



5)

